

Số: 1745/BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 09 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO
về việc giải quyết nội dung đơn đề nghị
của bà Hà Thị Oanh – Thôn 5, xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn

Thực hiện Công văn số 2665/SLĐTBXH-TLBHXXH ngày 30/8/2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo giải quyết chế độ đối với bà Hà Thị Oanh theo chỉ đạo của UBND tỉnh. UBND huyện Triệu Sơn xin báo cáo như sau:

1. Quá trình công tác của bà Hà Thị Oanh, Sinh ngày 08/6/1960.

Từ ngày 20/8/1978 đến ngày 01/12/2002 là giáo viên mẫu giáo được ký hợp đồng với UBND xã Minh Châu.

Từ ngày 01/01/2003 đến ngày 30/6/2007 là giáo viên mầm non được ký đồng với Trường Mầm non Minh Châu và được hưởng chế độ theo Nghị định 1717/1998/QĐ-UBND ngày 15/8/1998 Quy định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về chế độ chính sách đối với giáo viên ngoài biên chế đang dạy mẫu giáo.

Từ ngày 01/7/2007 đến ngày 30/6/2015 là giáo viên mầm non được ký đồng với Trường Mầm non Minh Châu và được hưởng chế độ theo Quyết định 2480/2007/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về chính sách hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước cho giáo viên Mầm non hợp đồng trong định biên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đến ngày 01/7/2015 bà Hà Thị Oanh đủ 55 tuổi nghỉ công tác, theo luật lao động – UBND huyện Triệu Sơn chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Mức lương được hưởng:

(Có bảng nhận tiền lương hàng năm kèm theo)

3. Việc giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội:

Ngày 14/9/2015 UBND huyện Triệu Sơn đã có Công văn số 1638/UBND-GDDT về việc trả lời đơn đề nghị của bà Hà Thị Oanh, nội dung như sau:

Về việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội, ngày 22/3/2004, UBND huyện Triệu Sơn và Bảo hiểm xã hội huyện đã triển khai công văn số 2150/GDDT-BHXXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến cán bộ, giáo viên mầm non trên địa bàn huyện nhằm thực hiện việc đóng truy thu Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 01/01/1995. Tại thời điểm đó, bà Hà Thị Oanh đang là giáo viên hợp đồng tại trường Mầm non Minh Châu, tuy nhiên bà Hà Thị Oanh đã không tham gia BHXH, BHYT. Căn cứ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, bà Hà Thị Oanh

(người lao động) không tham gia đóng BHXH thì khi nghỉ việc không thuộc đối tượng được hưởng chế độ theo quy định.

Tuy nhiên để giải quyết chế độ cho bà Hà Thị Oanh và 09 giáo viên mầm non khác cùng trường hợp giống bà Oanh, UBND huyện đã có các Công văn số 576/CV-UBND ngày 16/4/2012 và 29/UBND-GD ngày 8/01/2015 gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa đề nghị cho 10 giáo viên mầm non này được tham gia truy thu đóng BHXH từ ngày 01/01/1995 đến nay.

Ngày 26/3/2015, BHXH tỉnh Thanh Hóa đã có công văn số 277/BHXH-QLT gửi UBND huyện Triệu Sơn, nội dung như sau: Theo Công văn số 3658/BHXH-BT ngày 17/9/2013 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về truy thu bảo hiểm xã hội đối với giáo viên mầm non quy định: “người lao động đã nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần hoặc đang hưởng lương hưu và người lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc không thuộc đối tượng truy thu đóng BHXH”. Đối chiếu với quy định trên, 10 trường hợp giáo viên mầm non hiện chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nên không thuộc đối tượng được truy thu đóng BHXH theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ vào thực trạng đội ngũ giáo viên mầm non ở Thanh Hóa và đề nghị của UBND huyện Triệu Sơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa sẽ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa xin ý kiến của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết.

Như vậy đối với đề nghị của bà Hà Thị Oanh đã được UBND huyện Triệu Sơn và các cơ quan chức năng xem xét và đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Hiện tại, để giải quyết đề nghị của bà và 09 giáo viên mầm non trên địa bàn huyện phải chờ ý kiến trả lời của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Đến nay Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa có ý kiến trả lời đối với nội dung này.

Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa biết và cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Sở LĐ TB&XH (báo cáo);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH



Lê Quang Trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

Số: 576/CV- UBND
V/v Truy đóng BHXH
đối với giáo viên Mầm non

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Triệu Sơn, ngày 16 tháng 04 năm 2012

**Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hoá
Bảo hiểm xã hội huyện Triệu Sơn**

Thực hiện Công văn số 2150/GDDĐT-BHXH ngày 23/3/2004 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động thuộc các cơ sở giáo dục mầm non. UBND huyện và Bảo hiểm xã hội huyện Triệu Sơn đã triển khai thực hiện đạt kết quả khá tốt. Tuy nhiên còn 10 giáo viên do trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn của ngành giáo dục Mầm non nên phải đi học nâng cao trình độ đạt chuẩn, sau khi học xong vẫn tiếp tục công tác tại các trường Mầm non trên địa bàn huyện Nhưng đến nay vẫn chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn đề nghị Bảo hiểm xã hội Thanh Hoá và Bảo hiểm xã hội huyện Triệu Sơn tạo điều kiện cho số giáo viên Mầm non (có danh sách kèm theo) được đóng truy thu bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/1995 đến nay.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (CV);
- Lưu VTUB.

CHỦ TỊCH


Trần Bình Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /UBND-GD
V/v Truy thu đóng BHXH
đối với giáo viên mầm non

Triệu Sơn, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: -

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá
- Giám đốc BHXH tỉnh.
- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 2150/GDDĐT-BHXH ngày 23/3/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động thuộc các cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Công văn số 3658/BHXH-BH ngày 17/9/2013 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc truy thu BHXH đối với giáo viên Mầm non;

Căn cứ Công văn số 614/BHXH-PT ngày 30/9/2013 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc truy thu BHXH đối với giáo viên mầm non,

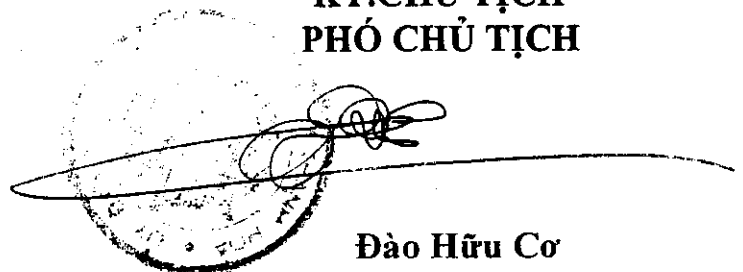
Thực hiện Công văn 2150/GDDĐT-BHXH ngày 23/3/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc đóng truy thu BHXH, bảo hiểm y tế. UBND huyện và Bảo hiểm xã hội huyện Triệu Sơn đã triển khai nội dung công văn đến 439 giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế thuộc đối tượng được đóng truy thu BHXH, bảo hiểm y tế từ năm 1995, nhưng chỉ có 429 giáo viên đóng, còn lại 10 giáo viên chưa đóng vì khi đó trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn nên phải đi học nâng cao trình độ đạt chuẩn và điều kiện kinh tế khó khăn nên các cô không tham gia đóng BHXH và bảo hiểm y tế. Căn cứ công văn số 3658/BHXH-BH ngày 17/9/2013 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc truy thu BHXH đối với giáo viên Mầm non thì 10 giáo viên trên chưa thuộc đối tượng được đóng truy thu vì đến thời điểm này chưa tham gia BHXH bắt buộc.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, UBND huyện Triệu Sơn đề nghị UBND tỉnh và Bảo hiểm xã hội Thanh Hoá, Sở Giáo dục và Đào tạo tạo điều kiện cho 10 giáo viên mầm non (có danh sách kèm theo) được đóng truy thu bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/1995 đến nay./.

Nơi nhận:

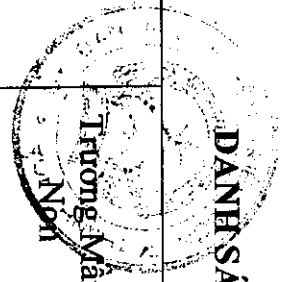
- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Hữu Cơ

DANH SÁCH GIÁO VIÊN HỢP ĐỒNG 2480 CHƯA ĐỒNG BHXH



T	Họ tên	Trưởng Mầm Non	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Hợp đồng lao động huyện, hướng chế độ theo quy định tại QĐ 2480/2007/QĐ-UBND	
							Số HĐLĐ	Ngày kí hợp đồng
1.	Nguyễn Thị Liên	Đông Thắng	06-08-1960	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2578	11/12/2007
2.	Phạm Thị Chàng	An Nông	29/06/1964	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2453	01.7.2007
3.	Nguyễn Thị Hằng	Hợp Lý	15/8/1966	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2657	11.12.2007
4.	Đinh Thị Oanh	Hợp Lý	9/12/1963	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2653	11.12.2007
5.	Hà Thị Oanh	Minh Châu	08.06.1960	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2459	01.07.2007
6.	Hoàng Thị Năm	Minh Sơn	10/10/1965	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2623	01.07.2007
7.	Đào Thị Thụ	Nông Trường	07/12/1962	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2667	01.07.2007
8.	Lê Thị Minh	Thái Hòa	02.09.1959	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2372	11.12.2007
9.	Dương Thị Oanh	Thọ Thế	12.07.1963	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2509	11.12.2007
10.	Lê Thị Hạnh	Xuan Lộc	09.09.1963	Giáo viên	Trung cấp	Tại chức	2358	01.07.2007

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1638 /UBND – GDĐT
Về việc trả lời đơn đề nghị
của bà Hà Thị Oanh – giáo viên
trường Mầm non Minh Châu

Triệu Sơn, ngày 14 tháng 9 năm 2015

Kính gửi: Bà Hà Thị Oanh – Giáo viên trường Mầm non Minh Châu.

Ngày 15/7/2015, UBND huyện Triệu nhận được đơn đề nghị của bà Hà Thị Oanh – Giáo viên hợp đồng trường Mầm non Minh Châu, huyện Triệu Sơn.

Nội dung đơn: Đề nghị UBND huyện Triệu Sơn xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định của nhà nước trong trường hợp bà đã công tác trong ngành giáo dục 38 năm nhưng bà không tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

Sau khi xem xét nội dung đơn, Chủ tịch UBND huyện đã giao phòng Giáo dục và Đào tạo huyện xem xét, giải quyết, có văn bản trả lời công dân. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện Triệu Sơn để giải quyết đề nghị của bà, kết quả như sau:

Về việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội, ngày 23/3/2004, UBND huyện và Bảo hiểm xã hội huyện đã triển khai Công văn số 2150/GDĐT-BHXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến cán bộ, giáo viên mầm non trên địa bàn huyện nhằm thực hiện việc đóng truy thu Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ năm 01/01/1995. Tại thời điểm đó, bà Hà Thị Oanh đang là giáo viên hợp đồng tại trường Mầm non Minh Châu, tuy nhiên bà Hà Thị Oanh đã không tham gia BHXH, BHYT. Căn cứ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, bà Hà Thị Oanh (người lao động) không tham gia đóng BHXH thì khi nghỉ việc không thuộc đối tượng được hưởng chế độ theo quy định.

Tuy nhiên để giải quyết chế độ cho bà Hà Thị Oanh và 09 giáo viên mầm non khác cùng trường hợp giống bà Oanh, UBND huyện đã có các Công văn số 576/CV-UBND ngày 16/4/2012 và 29/UBND-GD ngày 8/01/2015 gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa đề nghị cho 10 giáo viên mầm non này được tham gia truy thu đóng BHXH từ ngày 01/01/1995 đến nay.

Ngày 26/3/2015, BHXH tỉnh Thanh Hóa đã có Công văn số 277/BHXH-QLT gửi UBND huyện Triệu Sơn, nội dung như sau: theo Công văn số 3658/BHXH-BT ngày 17/9/2013 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về truy thu bảo hiểm xã hội đối với giáo viên mầm non quy định: “người lao động đã nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần hoặc đang hưởng lương hưu và người lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc không thuộc đối tượng truy thu đóng BHXH”. Đối chiếu với quy định trên, 10 trường hợp giáo viên mầm non hiện chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nên không thuộc đối tượng được truy thu đóng BHXH theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ vào thực trạng đội ngũ giáo viên mầm non ở Thanh Hóa và đề nghị của UBND huyện Triệu Sơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa sẽ phối hợp với Sở Giáo dục và

Đào tạo đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa xin ý kiến của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết.

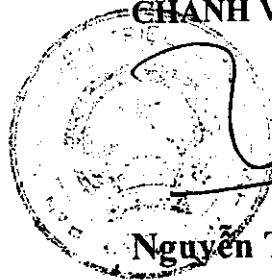
Như vậy đối với đề nghị của bà Hà Thị Oanh đã được UBND huyện Triệu Sơn và các cơ quan chức năng xem xét và đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Hiện tại, để giải quyết đề nghị của bà và 09 giáo viên mầm non trên địa bàn huyện phải chờ ý kiến trả lời của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

UBND huyện Triệu Sơn thông báo kết quả đề bà Hà Thị Oanh được biết./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thanh tra huyện;
- Ban tiếp công dân cấp huyện;
- Lưu: GDĐT, VT.

**TL.CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Trung Thành

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 277 /BHXH-QLT

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 3 năm 2015

V/v truy thu BHXH
đối với giáo viên mầm non

UBND. HUYỆN TRIỆU SƠN	
D	Số: 026
T	Ngày: 27/3/15
CHỖ	

Kính gửi: UBND huyện Triệu Sơn

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa nhận được Công văn số 29/UBND-GD ngày 08/01/2015 của UBND huyện Triệu Sơn về việc đề nghị tạo điều kiện cho 10 giáo viên mầm non (theo danh sách gửi kèm) được đóng truy thu bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/1995 đến nay, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa có ý kiến như sau:

Công văn số 3658/BHXH-BT ngày 17/9/2013 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về truy thu bảo hiểm xã hội đối với giáo viên mầm non quy định: "Người lao động đã nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần hoặc đang hưởng lương hưu và người lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc không thuộc đối tượng truy thu đóng bảo hiểm xã hội". Đối chiếu với quy định trên 10 trường hợp giáo viên mầm non trong danh sách kèm theo công văn số 29/UBND-GD hiện chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nên không thuộc đối tượng được truy thu đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ vào thực trạng đội ngũ giáo viên mầm non ở Thanh Hóa và đề nghị của UBND huyện Triệu Sơn, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa sẽ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Lao động Thương và Xã hội xem xét, giải quyết.

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa trả lời đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc BHXH tỉnh;
- P. Chế độ BHXH;
- BHXH huyện Triệu Sơn;
- Lưu: VT, QLT(3b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Hoàng Tiên

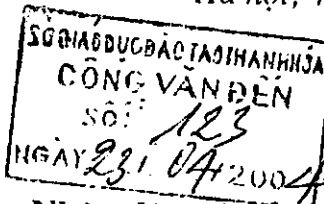
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO-
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2150*/GDĐT-BHXH

V/v: Thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động thuộc các cơ sở giáo dục mầm non

Hà nội, ngày 22 tháng 03 năm 2004



**Kính gửi: Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương**

Sau hơn một năm thực hiện Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non và Thông tư liên tịch số 05/2003/TTLT/BGD-ĐT, BNV, BTC ngày 24/2/2003 của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhìn chung các tỉnh và thành phố đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện và có những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, để thực hiện thống nhất, có hiệu quả và bảo đảm quyền lợi về chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với người lao động làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/ CP ngày 26/1/1995 ; Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 9/1/2003 của Chính phủ quy định bổ sung đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo Bộ luật lao động và Thông tư số 07/ 2003/TT- BLĐ, TB&XH ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định này; Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề nghị Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm tập trung chỉ đạo các cơ quan, Ban, ngành có liên quan như Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội, Ủy ban Nhân dân các quận, huyện, Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức quản lý, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo những nội dung cụ thể đã được Chính phủ quy định và các Bộ chức năng hướng dẫn như sau:

1- Người lao động làm việc trong biên chế hoặc hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên tại các cơ sở giáo dục mầm non đều được tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định hiện hành của Nhà nước (không kể độ tuổi của người lao động, không phân biệt loại hình trường công lập hay bán công, dân lập hay tư thực).

2- Về tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:

2.1- Mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế :

- Đối với người trong biên chế theo hệ số tiền lương hiện hưởng trong thang, bảng lương do Nhà nước quy định.

- Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ sở công lập, bán công, dân lập, tư thục theo mức tiền lương ghi trong hợp đồng lao động nhưng thấp nhất phải bằng mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

2.2- Mức đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế:

- Mức đóng để hưởng bảo hiểm xã hội gồm các chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, hưu trí và tử tuất bằng 20% tiền lương, trong đó Người sử dụng lao động của cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm đóng bằng 15% so với tổng quỹ tiền lương của những người tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động đóng bằng 5% tiền lương tháng.

- Mức đóng để hưởng chế độ bảo hiểm y tế bằng 3% tiền lương, trong đó người sử dụng lao động đóng bằng 2% so với tổng quỹ tiền lương, người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng.

3- Kinh phí và phương thức đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế:

- Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 4.2 Thông tư số 05/2003/TTLT/BGD-ĐT, BNV, BTC ngày 24/2/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

- Đối với cơ sở mầm non công lập, bán công được ngân sách Nhà nước hỗ trợ về kinh phí thông qua Phòng Giáo dục- Đào tạo quận, huyện, thị xã, hàng tháng Phòng Giáo dục- Đào tạo đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội bằng 23% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, (trong đó bao gồm cả 6% trích từ tiền lương hàng tháng của người lao động).

- Đối với các cơ sở mầm non bán công, dân lập, tư thục khác hàng tháng Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm trích từ tiền lương của từng người lao động (6% tiền lương hàng tháng) để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cùng một lúc với tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thuộc phần trách nhiệm của đơn vị là 17% so với tổng quỹ tiền lương vào quỹ bảo hiểm xã hội.

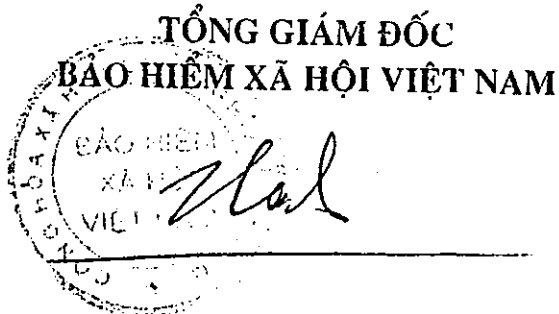
4- Trường hợp người lao động đến khi nghỉ việc đủ tuổi đời (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi) nhưng còn thiếu tối đa không quá 5 năm đóng bảo hiểm xã hội để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, nếu người lao động không hưởng trợ cấp 1 lần, có thể tự nguyện đóng tiếp 15% bảo hiểm xã hội hàng tháng theo mức tiền lương trước khi nghỉ việc hoặc mức lương tối thiểu do Nhà nước qui định cho cơ quan bảo hiểm xã hội đến khi đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng chế độ hưu trí.

- Những người lao động đã có thời gian làm việc liên tục tại các cơ sở mầm non từ trước hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 mà chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội thì có thể đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian từ tháng 1/1995 đến khi đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Mức đóng bằng 15% mức tiền lương tính trên mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm thu, nộp.

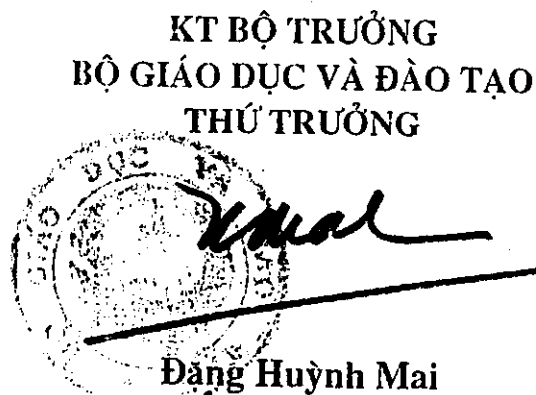
5- Tất cả những người lao động làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm xã hội, cấp phiếu khám chữa bệnh và được hưởng các chế độ như đối với công nhân viên chức Nhà nước.

Trên đây là những nội dung nhằm thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định của Chính phủ và các Bộ chức năng đã hướng dẫn. Đề nghị Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo các Sở, Ban ngành có liên quan và Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non theo các nội dung đã nêu ở trên. Đặc biệt là đối với những đối tượng giáo viên mầm non có nhiều năm công tác, nhất là giáo viên vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa đã đóng góp cho sự nghiệp giáo dục mầm non của địa phương mà chưa được hưởng quyền lợi này.

Rất mong Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo./.



Nguyễn Huy Ban



Đặng Huỳnh Mai

Nơi nhận:

- Như trên
 - Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, TP
 - BHXH các tỉnh, TP
 - Lưu 2VP + CĐCS (2b) + Vụ GDMN
- } để thực hiện

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 8 năm 1998

**QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ
VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN NGOÀI BIÊN CHẾ
ĐANG DẠY MẪU GIÁO**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21 tháng 6 năm 1994.
- Căn cứ quyết định số 1691/VX-UBTH ngày 10 tháng 12 năm 1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về những mục tiêu chủ yếu và những chủ trương giải pháp nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo trong 2 năm 1994-1995 và những năm tiếp theo.
- Căn cứ công văn số 4077/KGVX ngày 15 tháng 8 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc duy trì và phát triển bậc học Mầm Non.
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính-Vật giá, Trường Ban Tổ chức Chính quyền về chế độ chính sách đối với giáo viên ngoài biên chế đang dạy Mẫu giáo được hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên từ ngân sách giáo dục - đào tạo tại tờ trình liên ngành số: 242 ngày 01 tháng 7 năm 1998.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Để đảm bảo phổ cập giáo dục Tiểu học vững chắc và phát triển sự nghiệp giáo dục Mầm Non, cho phép thực hiện chế độ trợ cấp thường xuyên đối với giáo viên ngoài biên chế đang dạy Mẫu giáo như sau:

1. Đối tượng: Giáo viên Mẫu giáo ngoài biên chế đã qua đào tạo (có bằng tốt nghiệp sư phạm Mẫu giáo hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đang dạy mẫu giáo), đang dạy ở các trường Mẫu giáo hoặc trường Mầm non thuộc các xã, phường, thị trấn, trừ các trường Mẫu giáo hoặc Mầm non thuộc các doanh nghiệp nhà nước đang trả lương. Riêng đối với Thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn và Sầm Sơn chỉ xét chọn giáo viên Mẫu giáo đã qua đào tạo sơ cấp sư phạm Mẫu giáo (1 năm) trở lên. Các lớp Mẫu giáo phải đảm bảo sĩ số 25 cháu/lớp.

2. Mức trợ cấp:

Học trường được trả đủ 12 tháng trong năm học.

Giáo viên được trả 10 tháng trong năm học.

- Trợ cấp 150.000 đồng/tháng đối với giáo viên được đào tạo trình độ Trung cấp Mẫu giáo trở lên.

- Trợ cấp 120.000 đồng/tháng đối với giáo viên được đào tạo sơ học Sư phạm Mẫu giáo (1 năm trở lên).

- Trợ cấp 100.000 đồng/tháng đối với giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ 3-4 tháng có chứng chỉ. Sau 2 năm (đến tháng 9/2000) những giáo viên này phải học xong chương trình sơ học sư phạm Mẫu giáo (1 năm trở lên) nếu không đạt trình độ thì thay thế người khác đạt trình độ Sư phạm cao hơn, còn trẻ và có phẩm chất tốt.

- Số giáo viên ở khu vực miền núi chưa qua đào tạo đang được hưởng chế độ trợ cấp nay trợ cấp 80.000 đồng/tháng đến hết tháng 9/1999. Đến tháng 9 năm 1999 nếu không được bồi dưỡng nghiệp vụ 3-4 tháng (có chứng chỉ) thì thay thế người khác có trình độ sư phạm cao hơn, còn trẻ và phẩm chất tốt.

- Riêng Giáo viên Mẫu giáo ngoài biên chế ở nội thị Thành phố, Thị xã thì mức hưởng trợ cấp hàng tháng từ kinh phí sự nghiệp Giáo dục bằng 60%; Giáo viên Mẫu giáo ngoài biên chế ở thị trấn huyện lỵ của các huyện đồng bằng thì mức hưởng trợ cấp hàng tháng từ kinh phí sự nghiệp giáo dục bằng 80% của các mức qui định tại mục 2 điều 1 của Quyết định này. (Mức chênh lệch 40% và 20% được bù bằng quỹ học phí).

3. Nguồn kinh phí: Trong kinh phí sự nghiệp giáo dục, được đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm để chi trả hàng tháng cho giáo viên theo địa bàn huyện, thị, thành phố, kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1998.

4. Ngoài mức trợ cấp trên, giáo viên dạy Mẫu giáo còn được hưởng trợ cấp thêm từ nguồn học phí. Giao cho Ban Tổ chức chính quyền Tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục, Sở Tài chính căn cứ ngạch bậc lương của giáo viên mẫu giáo thuộc biên chế để vận dụng mức hưởng trợ cấp thêm từ nguồn học phí cho phù hợp và làm căn cứ để sử dụng đúng nguồn học phí của học sinh đóng góp. Tổng mức được hưởng của Giáo viên Mẫu giáo ngoài biên chế từ 2 nguồn (Trợ cấp từ kinh phí sự nghiệp Giáo dục và học phí): Nơi có điều kiện thì trả bằng bậc lương của ngạch giáo viên Mẫu giáo thuộc biên chế nhà nước có cùng trình độ đào tạo và cùng số năm công tác theo ND25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ. Mức thấp nhất bằng mức lương cơ bản (144.000đ/tháng) đối với giáo viên có trình độ sơ cấp Mẫu giáo đào tạo sư phạm 1 năm trở lên.

5. Việc xét duyệt con người cụ thể: Giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước hướng dẫn các huyện thực hiện việc xét chọn giáo viên theo đúng tiêu chuẩn (có chứng chỉ hoặc bằng sư phạm, có phương pháp sư phạm khá, có phẩm chất tốt, tinh thần trách nhiệm cao, có sức khỏe tốt) và kiểm tra, xử lý việc thực hiện xét tuyển, cho đúng. Giao Chủ tịch UBND Huyện, thị, Thành phố ký quyết định xét chọn giáo viên dạy Mẫu giáo cho từng trường.

Điều 2: Giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc thay thế các giáo viên không có nghiệp vụ sư phạm và bổ sung giáo viên mới đạt tiêu chuẩn quy định. Số giáo viên thay thế, bổ sung phải được xét duyệt chặt chẽ. Danh sách tuyển chọn ở mỗi trường phải được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt và ký quyết định cho từng trường, sau đó báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để quản lý và kiểm tra.

Điều 3: Bãi bỏ chế độ trợ cấp đối với giáo viên ngành học Mầm non ngoài biên chế quy định tại Quyết định số 573/VX-UBTH ngày 4/5/1994 và Quyết định số 337/VX-UBTH ngày 15/4/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hoá về chế độ chính sách đối với giáo viên ngoài biên chế dạy Mẫu giáo 5 tuổi.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/1998.

Các ông: Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Trưởng ban Tổ chức Chính quyền tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính-Vật giá, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------|------------------|
| - Bộ Giáo dục và Đào tạo | Để
báo
cáo |
| - Thường trực Tỉnh ủy. | |
| - Thường trực HĐND tỉnh. | |
| - Năm điều 4 QĐ. | |
| - Lưu. | |

KT CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ



Phó chủ tịch

Nguyễn Đình Bưu

UBND TỈNH THANH HOÁ
LIÊN NGÀNH
BAN TCCQ-SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
SỞ TÀI CHÍNH-VẬT GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 1 năm 1998

Số: 680 /LN

HƯỚNG DẪN

THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 1717/1998/QĐ-UB NGÀY 15/8/1998
CỦA UBND TỈNH THANH HOÁ VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
NGOÀI BIÊN CHẾ DẠNG DẠY MẪU GIÁO

I. ĐỐI TƯỢNG:

1. Đối tượng áp dụng:

Giáo viên Mẫu giáo ngoài biên chế đã qua đào tạo (có bằng tốt nghiệp sư phạm Mẫu giáo hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy Mẫu giáo) đang dạy Mẫu giáo ở các trường Mẫu giáo, trường Mầm non thuộc các xã, phường, thị trấn. Các lớp mẫu giáo phải đảm bảo sĩ số 25 cháu/lớp trở lên. Riêng vùng núi cao biên giới, vùng núi sâu có thể có lớp chưa đạt 25 cháu nhưng tối thiểu phải đảm bảo từ 15-20 cháu/lớp.

2. Đối tượng không áp dụng:

Giáo viên đang dạy ở các nhà, nhóm trẻ.

Giáo viên dạy mẫu giáo ở các trường mẫu giáo hoặc trường mầm non theo các doanh nghiệp nhà nước đang trả lương.

Giáo viên chưa qua đào tạo được các xã, phường, thị trấn các huyện, thị trấn phân bố bố trí dạy mẫu giáo (trừ số đang được hưởng theo Quyết định 573).

II. ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN:

Đạo đức tư cách tốt, đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp sư phạm Mẫu giáo hoặc Nổi dạy trẻ mẫu giáo cấp (1 năm) trở lên.

Riêng miền núi: Số giáo viên chưa qua đào tạo đang được hưởng trợ cấp theo Quyết định 573 trước đây nay được chế độ trợ cấp đến hết tháng 9/1999. Từ tháng 9 năm 2000 giáo viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ 3 tháng đã phải học xong chương trình sơ học sư phạm Mẫu giáo (1 năm) trở lên nếu không đạt trình độ này thì thay thế người khác đạt trình độ sư phạm cao hơn, đạo đức và có phẩm chất tốt.

III. MỨC TRỢ CẤP VÀ THỜI GIẠN ĐƯỢC HƯỞNG.

1. Mức trợ cấp:

150.000đ/tháng đối với giáo viên được đào tạo trình độ Trung cấp Mẫu giáo hoặc Nuôi dạy trẻ trở lên.

120.000đ/tháng đối với giáo viên được đào tạo trình độ sơ cấp Mẫu giáo hoặc Nuôi dạy trẻ.

100.000đ/tháng đối với giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ 3-4 tháng có chứng chỉ (được hưởng đến tháng 9 năm 2000).

80.000đ/tháng đối với giáo viên chưa qua đào tạo (ở khu vực miền núi và được hưởng đến tháng 9/1999).

2. Riêng giáo viên ngoài biên chế dạy Mẫu giáo ở nội thị thành phố, thị xã thì mức lương trợ cấp hàng tháng từ kinh phí sự nghiệp giáo dục bằng 60% dạy ở thị trấn huyện lỵ của các huyện đồng bằng hưởng 80% của các mức trên, cụ thể là:

60% của 150.000 đồng là 90.000, của 120.000 đồng là 72.000, của 100.000 đồng là 60.000 đồng.

80% của 150.000 là 120.000, của 120.000 là 96.000, của 100.000 là 80.000.

Mức chênh lệch 40% và 20% được bù bằng quỹ học phí.

3. Thời gian hưởng trợ cấp:

Hiện trường được hưởng đủ 12 tháng/năm. Giáo viên được hưởng 10 tháng/năm.

IV. CHẾ ĐỘ KHI ĐI BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ:

Được hưởng nguyên mức trợ cấp khi đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nếu thời gian không quá 6 tháng; đi học tập trung dài hạn từ 6 tháng trở lên thì thời gian hưởng trợ cấp. Số tiền trợ cấp của người đi học được dùng để trả cho người hợp đồng dạy thay.

V. NGUỒN KINH PHÍ:

Nguồn kinh phí trợ cấp cho giáo viên mẫu giáo từ kinh phí sự nghiệp giáo dục được tính vào kế hoạch ngân sách hàng năm và được chi trả như sau:

- Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và quản lý danh sách của từng huyện, thị, thành phố; thông báo số lượng người, số tiền cho từng huyện sau khi đã kiểm tra xét duyệt.

- Sở Tài chính-Vật giá căn cứ số người có trong danh sách được Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo để cấp phát và quản lý theo chế độ tài chính hiện hành.

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Tài chính tính toán cụ thể và lập dự toán báo cáo Sở Tài chính để chi trả theo địa bàn các huyện, thị, thành phố từng tháng như giáo viên trong biên chế từ ngày 1/9/1998.

VI. TRỢ CẤP TỪ NGUỒN HỌC PHÍ:

1. Các địa phương cần quan tâm để giáo viên Mẫu giáo ngoài biên chế được thu nhập từ hai nguồn trợ cấp: kinh phí sư nghiệp giáo dục và học phí. Nơi có điều kiện thì trả bằng bậc lương của ngạch giáo viên Mẫu giáo thuộc biên chế nhà nước có cùng trình độ đào tạo và cùng số năm công tác.

Nơi nào quá khó khăn thì tối thiểu trả bằng mức lương cơ bản 144.000đ/tháng/người đối với giáo viên có trình độ sơ cấp được đào tạo từ 1 năm trở lên.

Nguồn trợ cấp thêm từ học phí được tính theo nguyên tắc sau:

a) Giáo viên mới dạy được 1-2 năm đầu ứng với mức tiền lương bậc một của ngạch giáo viên mầm non quy định tại Nghị định 25-CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ. Sau đó cứ 2 năm sau ứng với mức lương ở bậc lương tiếp theo cho đến năm thứ 31-32 ứng với bậc lương 16.

b) Chỉ thực hiện đối với giáo viên có bằng đào tạo sơ cấp (1 năm) vào bậc 1, giáo viên có bằng đào tạo trung cấp trở lên vào bậc 2 theo bảng lương của giáo viên Mầm non dưới đây:

	4	6	8	10	12	14	16	18	20	22	24	26	28	30	32	
Bậc	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mức tiền	201	218	236	253	270	288	305	323	339	358	377	396	414	433	452	470

Đơn vị tính: 1000 đồng (1-32)

Ví dụ 1: Giáo viên A trình độ sơ cấp, đang dạy năm thứ 4. Giáo viên A được trợ cấp theo QĐ 1717: 120.000đ/tháng. Được địa phương trả thêm từ nguồn học phí: 218.000đ - 120.000đ = 98.000 đồng/tháng.

Ví dụ 2: Giáo viên B trình độ Trung cấp, đang dạy năm thứ 4. Giáo viên B được trợ cấp theo QĐ 1717: 150.000đ/tháng. Được địa phương trả thêm từ nguồn học phí: 236.000đ - 150.000đ = 86.000 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Giáo viên C trình độ Trung cấp, đang dạy năm thứ 7 ở Phường Đình, TP Thanh Hoá. Giáo viên C được trợ cấp theo QĐ 1717: 90.000đ/tháng. Được địa phương trả thêm từ nguồn học phí: 270.000đ - 90.000đ = 180.000 đồng.

2. Những địa phương có điều kiện như nội thành phố, thị xã có thể chi thêm phần phụ cấp đứng lớp và đảm bảo chế độ bảo hiểm cho giáo viên.

Riêng đối với giáo viên Nuôi dạy trẻ đang trực tiếp nuôi dạy ở các nhà trẻ, nhóm trẻ thuộc khu vực công lập, bán công, dân lập chưa được trợ cấp theo QĐ 1717 thì mức chi trả cũng theo bảng cấp như giáo viên dạy mẫu giáo nhưng kinh phí lấy từ nguồn học phí của cha mẹ cháu đóng góp.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Căn cứ vào Quyết định của UBND tỉnh, Liên ngành đề nghị UBND các huyện, thị, thành phố chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện các nội dung sau đây:

1. Trên cơ sở số giáo viên đang dạy mẫu giáo 5 tuổi đã được hưởng chế độ trợ cấp và số giáo viên dạy mẫu giáo đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Kiểm tra hàng đầu tháng 4/1998, Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra xét chọn đúng đối tượng và lập danh sách trình hàng theo mẫu quy định để Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định trước khi Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND huyện, thị, thành phố duyệt và ký quyết định cho từng trường. Hàng năm nếu có nhu cầu bổ sung giáo viên do số lớp, mẫu giáo tăng thì các Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện như quy trình nêu trên.

2. Danh sách giáo viên dạy mẫu giáo sau khi huyện, thị, thành phố đã duyệt được gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để kiểm tra. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quản lý danh sách và thông báo cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo kết quả đã kiểm tra. Các phòng Giáo dục và Đào tạo gửi danh sách giáo viên dạy Mẫu giáo và thông báo đến cơ quan tài chính để làm thủ tục cấp phát.

3. Giải quyết nâng mức trợ cấp: Mỗi năm 1 lần Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức kiểm tra để nâng mức trợ cấp cho đối tượng đang đứng lớp có bằng được đào tạo cao hơn vào tháng 7 hàng năm (Phòng TCCB, GDMN chịu trách nhiệm kiểm tra khi có danh sách giáo viên dạy mẫu giáo mới tốt nghiệp được Phòng Giáo dục và UBND huyện đề nghị).

4. Thay thế giáo viên:

Mỗi lần có trường hợp phải thay thế giáo viên trong danh sách giáo viên đang dạy mẫu giáo được hưởng trợ cấp do Sở quản lý, Phòng Giáo dục và Đào tạo phải làm hồ sơ gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định trước khi báo cáo UBND huyện, thị, thành phố ra quyết định.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn cụ thể về chế độ đối với giáo viên nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo được thực hiện theo Quyết định 1717 của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo phản ánh về Liên Sở để nghiên cứu giải quyết./

GIÁM ĐỐC SỞ TC-GV

GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

TRƯỞNG BAN TCCQ TỈNH

(Handwritten signatures and stamps are present in this section, including a large circular stamp on the left and a signature on the right.)

V.11.11.1

Số: 2480 /2007/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về chính sách hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước cho giáo viên
mầm non hợp đồng trong định biên trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;
Căn cứ Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2003/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày
24/02/2004 của Liên Bộ Giáo dục & Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính
hướng dẫn một số chính sách phát triển giáo dục Mầm non;
Căn cứ Nghị quyết số 71/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của HĐND
tỉnh Thanh Hoá, Khóa XV, Kỳ họp thứ 8 về chính sách hỗ trợ từ Ngân sách Nhà
nước đối với giáo viên mầm non hợp đồng trong định biên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước đối với
giáo viên mầm non hợp đồng trong định biên; cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

Giáo viên mầm non (bao gồm giáo viên trực tiếp dạy trong các nhóm
trẻ, lớp mẫu giáo; giáo viên làm nhiệm vụ nuôi dưỡng trong các trường Mầm
non công lập, bán công), có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm mầm non
(nuôi dạy trẻ, mẫu giáo) từ Trung cấp trở lên, được Chủ tịch UBND các huyện,
thị xã, thành phố ký hợp đồng lao động.

2. Chính sách hỗ trợ:

2.1. Thực hiện thống nhất mức hỗ trợ theo Thông tư số:
05/2003/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 24/02/2003 của Liên Bộ Giáo dục
& Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

2.2. Địa phương hỗ trợ thêm mức chênh lệch kinh phí đóng BHXH,
BHYT, KPCĐ giữa qui định tại Thông tư 05 và mức thu của cơ quan Bảo
hiểm xã hội đang thực hiện.

2.3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho giáo viên mầm non hợp
đồng được tính như sau:

Mức hỗ trợ từ NSNN = (Mức lương tối thiểu do NN quy định + Kinh
phí đóng BHXH, BHYT, KPCĐ) – Nguồn thu từ học phí và nguồn thu hợp

826
ngày 17 tháng 8 năm 2007
17/8/2007
Nguyễn Văn Thủ
theo 9 ban
các đề nghị số 80,
Trưởng phòng
28/8/07
Chưa đề nghị
số đề nghị
Mầm non hợp đồng

pháp khác (không bao gồm thu đóng góp xây dựng, tiền ăn của học sinh, trợ, tài trợ có mục tiêu).

Trong đó, kinh phí đóng BHXH, BHYT, KPCĐ = Mức lương tối thiểu x 1,86 x 19%.

2.4. Mức hỗ trợ trên được tính ra số tuyệt đối cho từng vùng miền theo chế độ tiền lương và nguồn thu học phí hiện hành, cụ thể như sau:

- Các xã, phường của Thành phố, Thị xã: 510.000 đ/người/tháng
- Các xã, thị trấn miền xuôi: 550.000 đ/người/tháng
- Các xã miền núi thấp, thị trấn vùng cao 580.000 đ/người/tháng
- Các xã vùng cao và các xã vùng 135: 610.000 đ/người/tháng

* Khi nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu, hệ số lương khởi điểm, hoặc thay đổi mức thu học phí, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh.

3. Nguồn kinh phí đảm bảo:

- Năm 2007: Sử dụng nguồn kinh phí SNGD chưa phân bổ trong dự toán 2007 và nguồn NSTW hỗ trợ cải cách tiền lương để bổ sung phần chênh lệch sinh tăng so với số đã cân đối đầu năm cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Từ năm 2008 trở đi: Cân đối vào dự toán hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố.

4. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/7/2007 đến khi có chế độ chính sách mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

a) Cơ chế tuyển chọn: Từ năm 2007 không thực hiện tuyển giáo viên mầm non vào biên chế (kể cả Hiệu trưởng, Hiệu phó). Giáo viên mầm non được bổ nhiệm giữ chức Hiệu trưởng, Hiệu phó được hưởng chế độ như giáo viên dạy trẻ cộng với phụ cấp chức vụ. UBND tỉnh phân cấp để Chủ tịch UBND cấp huyện ký hợp đồng trên cơ sở tổng chỉ tiêu được thông báo. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ hướng dẫn tiêu chí và tiêu chuẩn tuyển hợp đồng, hệ số chức vụ đối với Hiệu trưởng, hiệu phó trường mầm non; sở Tài chính hướng dẫn lập dự toán ngân sách.

b) Số giáo viên chưa đạt chuẩn (570 người, trong đó: biên chế 49 người; Chủ tịch UBND cấp huyện ký hợp đồng 75 người) đều đã quá tuổi đào tạo để đạt chuẩn, đề nghị được giải quyết theo hướng:

- Giải quyết về hưu trước tuổi nếu đủ tiêu chuẩn về tuổi và năm công tác (đối với số giáo viên trong biên chế).

- Cho về thôi việc (đối với số giáo viên trong biên chế chưa đủ năm công tác, chưa đủ tuổi nghỉ hưu và giáo viên hợp đồng).

c) Đối với số giáo viên do Chủ tịch UBND cấp xã ký hợp đồng ... giao cho Chủ tịch UBND huyện, căn cứ vào tổng chỉ tiêu giáo viên mầm non được thông báo cho huyện và các tiêu chuẩn, định mức (số cháu đến

lớp; số cháu/lớp; số giáo viên/lớp) ở địa phương để ký lại hợp đồng theo đúng thẩm quyền. Số còn lại thanh lý hợp đồng.

d) Hàng năm Sở Giáo dục & Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình bố trí, sử dụng giáo viên mầm non và đề xuất những chính sách bổ sung để giáo viên mầm non phải có chế độ thu nhập phù hợp và tương xứng mặt bằng tiền lương mới và cơ chế xã hội hoá giáo dục.

e) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Nội vụ căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này, số giáo viên hợp đồng theo đúng thẩm quyền hàng năm của các địa phương, thẩm định cụ thể trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bổ sung kinh phí năm 2007, trình cấp có thẩm quyền cân đối dự toán hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc hợp đồng, sử dụng giáo viên mầm non và quản lý, sử dụng kinh phí của các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

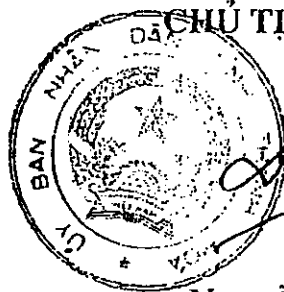
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Giáo dục & Đào tạo, Nội vụ, Kho bạc NN tỉnh; Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HL*

Nơi nhận:

- Như điều 3, QĐ;
- TTU, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư Pháp (báo cáo);
- Bộ GD&ĐT, Nội vụ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Ban KT Tỉnh uỷ;
- Ban KTNS, VHXX HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTIC(QĐCD 7021).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lợi

LỊCH SỬ TIỀN LƯƠNG
(08/1978 đến 6/2015)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Từ tháng, năm	Tiền lương	Ghi chú
1	Hà Thị Oanh	Giáo viên	08/1978 đến 12/1994	Địa phương trả lúa theo vụ	
2			01/1995 đến 12/1996	14.100đ/tháng	
3			01/1997 đến 12/1997	20.000đ/tháng	
4			01/1998 đến 12/1998	35.000đ/tháng	
5			01/1999 đến 12/1999	45.000đ/tháng	
6			01/2000 đến 12/2000	55.000đ/tháng	
7			01/2001 đến 12/2001	65.000đ/tháng	
8			01/2002 đến 12/2002	70.000đ/tháng	
9			01/2003 đến 06/2007	120.000đ/tháng	
10			07/2007 đến 12/2007	630.000đ/tháng	
			01/2008 đến 12/2010	756.000đ/tháng	
11			01/2011 đến 04/2011	960.000đ/tháng	
12			05/2011 đến 12/2012	1.115.000đ/tháng	
13			01/2013 đến 12/2013	1.444.000đ/tháng	
14	01/2014 đến 6/2015	1.150.000đ/tháng			

ĐƠN VỊ: XÃ MINH CHÁU

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG TIỀN LƯƠNG
(Từ 01/01/1995 Đến 30/06/1995)

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Tiền công, tiền lương	Các khoản phải nộp	Còn lĩnh	Ký nhận
1	Hà Thị Oanh	Giáo viên	$40 \text{ kg} \times 1.700 \text{ đ/kg} = 68.000 \text{ đ}$		68.000 đ	<i>Oanh</i>
2	Lê Thị Xinh	Giáo viên	$40 \text{ kg} \times 1.700 \text{ đ/kg} = 68.000 \text{ đ}$		68.000 đ	<i>Xinh</i>
3	Lê Thị Hiền	Giáo viên	$40 \text{ kg} \times 1.700 \text{ đ/kg} = 68.000 \text{ đ}$		68.000 đ	<i>Hien</i>
4	Hà Thị Vân	Giáo viên	$40 \text{ kg} \times 1.700 \text{ đ/kg} = 68.000 \text{ đ}$		68.000 đ	<i>Vân</i>
	Cộng		$160 \text{ kg} \times 1.700 \text{ đ/kg} = 272.000 \text{ đ}$		272.000 đ	

Ngày 25...tháng 6...năm 1995

Thủ trưởng đơn vị:

Người lập biểu

Kế toán



Nguyen

Hà Thị Ngân

Hà - Văn - Lương

Đơn vị: Trường MN Minh Châu
 Bộ phận:
 Mã đơn vị SDNS: 1107314

Mẫu số C02a-HD
 (Đã ban hành theo QĐ số :19/2006/QĐ-BTC
 ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
 Tháng 06 năm 2015

Số:
 Ng:
 C:

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	Mã số ngạch lương	Lương hệ số						Thành tiền	Các khoản trừ vào lương (BHXH)	Tổng số tiền lương còn được nhận	Ký nhận
				Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp khác			Cộng hệ số				
						VK	TN	ƯĐ					
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	E
1	Nguyễn Thị Vui	H.trưởng	15a205	3,33	0,5		0,5	0,41	1,34	6,08	473,000	6,519,000	
2	Lê Thị Hiền	P.H.trưởng	15115	2,86	0,35		0,42		1,12	4,75	438,000	5,025,000	
3	Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên	15115	4,06		0,57	1,57	0,25	1,62	8,07	749,000	8,532,000	
4	Hà Thị Hằng	Giáo viên	15a205	2,67			0,27		0,93	3,87	355,000	4,095,000	
5	Hà Thị Hiền	Giáo viên	15a206	2,1			0,13	0,37	0,74	3,34	269,000	3,571,000	
6	Lê Thị Dương	Giáo viên	15115	2,06			0,14	0,17	0,72	3,09	266,000	3,288,000	
7	Nguyễn Thị Lệ	Giáo viên	15a205	2,34					0,82	3,16	283,000	3,351,000	
8	Nguyễn Thị Nụ	Giáo viên	15a205	2,34					0,82	3,16	283,000	3,351,000	
9	Vũ Thị Thoa	Giáo viên	15115	1,86					0,65	2,51	225,000	2,661,000	
10	Trịnh Thị Hằng	Giáo viên	15115	1,86					0,65	2,51	225,000	2,661,000	
11	Lê Thị Mai	Giáo viên	15115	1,86					0,65	2,51	225,000	2,661,000	
	Tổng cộng			27,34	0,85	0,57	3,03	1,2	10,06	43,05	3,791,000	45,715,000	

CHI LƯƠNG GIÁO VIÊN HỢP ĐỒNG 2480

TT	Họ và tên	Lương	Các Khoản Đóng Góp	Tổng Nhận	Ký Nhận
1	Hà Thị Oanh	1.150.000	0	1.150.000	

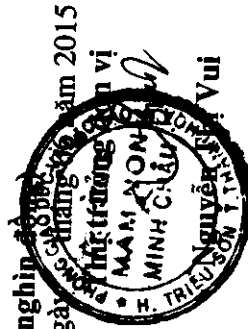
*Tổng số tiền chi lương trong tháng: 46,865,000 (Bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi năm 2015)
 Ngày 06 tháng 06 năm 2015

Kế Toán

Handwritten signature
 Hà Thị Hiền

Thủ quỹ

Hà Thị Hằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Mình ^{chủ} Ngày 01 tháng 01 năm 1995.

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Thời gian 12 tháng)

(Ban hành kèm theo QĐ 207/LĐ-TBXH-QĐ ngày 2-4-1993 của

Bộ trưởng Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi ,một bên là ông bà: *Hà Văn Lương*

Chức vụ:..... *Chủ tịch UBND xã Minh Châu*

Đại diện cho (1):..... *UBND xã Minh Châu*

Địa chỉ:..... *xã Minh Châu* Điện thoại:.....

Và một bên là ông ,bà:..... *Hà Thị Thanh*

Sinh ngày:..... *08*tháng *06*năm..... *1960*

Nghề nghiệp:..... *Công nhân mỏ*

Thường trú tại:..... *xã Minh Châu huyện Phố Sơn - Tỉnh Lào*

Mang CMTND hoặc sổ lao động số (2).....

Cấp ngày:..... tháng năm tại.....

Thỏa thuận ký hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Ông, bà *Hà Thị Thanh* làm việc theo loại hợp đồng lao động

(3).....

Từ ngày *01* tháng *01* năm *1995* đến ngày tháng năm *1995*

Thử việc từ ngày..... tháng năm..... đến ngày..... tháng năm.....

Tại địa điểm (4):..... *Tambang M.N. Minh Châu*

Chức vụ:..... *Giáo viên* và công việc phải làm (5)..... *giảng dạy*

.....
.....
.....
Điều 2: Chế độ làm việc:

- Thời giờ làm việc (6):.....
.....

-Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3: Nghĩa vụ quyền hạn và các quyền lợi người lao động được hưởng như sau:

1-Nghĩa vụ: Trong công việc ,chịu sự điều hành trực tiếp của ông, bà:.....

Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động .Chấp hành nghiêm túc nội quy ,quy chế của đơn vị, kỷ luật lao động, an toàn lao động và các quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

2-Quyền hạn: Có quyền đề xuất khiếu nại, thay đổi , tạm hoãn ,chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Pháp luật lao động hiện hành.

3- Quyền lợi:

-Phương tiện đi lại làm việc (7):.....

-Mức lương chính hoặc tiền công (8):.....

$$40^{14} \times 12000^7 = 68000^7 \times 2 \text{ kỳ} = 1360000^7$$

Được trả ... 216^7 ...lần vào các ngày... $27/6$...và ngày... $20/12$hàng tháng

-Phụ cấp gồm (9):.....
.....
.....

-Được trang bị bảo hộ lao động gồm:.....
.....
.....

Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương(nghỉ lễ,phép ,việc riêng).....
.....
.....

-Bảo hiểm xã hội (10):.....
.....
.....

Được hưởng các phúc lợi:.....
.....
.....

Được các khoản thưởng, nâng lương, bồi dưỡng nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học , công nghệ với các đơn vị ở trong và ngoài nước (11):.....
.....
.....

Được hưởng các chế độ ngừng việc , trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của Pháp luật lao động.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động:

- 1- Nghĩa vụ: Thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả. Bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng đã ký.

Thanh toán đầy đủ, dứt điểm các chế độ và quyền lợi của người lao động đã cam kết trong hợp đồng lao động.

- 2- Quyền hạn: Có quyền điều chuyển tạm thời người lao động tạm ngừng việc, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 5: Điều khoản chung:

- 1- Những thỏa thuận khác (12):.....

2- Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày 01...tháng 01...năm 1995.....
đến ngày 31...tháng...12.....năm 1995.

Điều 6: Hợp đồng lao động này làm thành (02) bản:

- 01 bản do người lao động giữ.
- 01 bản do người sử dụng lao động giữ.

Làm tại:.....

Người lao động

(Ký tên)

[Handwritten signature]

Hà Thị Oanh

Người sử dụng lao động

(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature] 4

Số: 247 /HD-UB

Triệu sơn, ngày 11 tháng 12 năm 2007

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Quyết định số 685/ 2007 QĐ-UB ngày 02/03/2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, *Về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và Cán bộ, công chức;*

Căn cứ Quyết định số 2480/2007/QĐ- UBND ngày 16/08/2007 "Về chính sách hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước cho Giáo viên Mầm Non hợp đồng trong định biên trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá"

của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ- Lao động TB&XH; Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo.

Chúng tôi một bên là ông: **Bùi Công Khanh**
Chức vụ: **Phó chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn**
Đại diện cho: **UBND huyện Triệu Sơn**
Địa chỉ: **Thị trấn Triệu Sơn- huyện Triệu Sơn- tỉnh Thanh Hóa**

Một bên là Ông (Bà): **Hà Thị Oanh**
Sinh ngày: **08/06/1960**

Trình độ đào tạo: **Trung Cấp Sư phạm Mầm Non**
Đơn vị công tác: **Trường Mầm Non Bán Công Minh Châu**

Đã hợp đồng làm việc theo Quyết định số 2480/2007/QĐ- UBND ngày 16/08/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá

Điều 1: Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng làm việc: Từ ngày 01/07/2007 đến khi có chế độ chính sách mới

- Địa điểm làm việc tại: **Trường Mầm Non Bán Công Minh Châu**

- Chức danh: **Giáo viên**

- Nhiệm vụ: **Làm Giáo viên giảng dạy Ngành học Mầm Non**

Điều 2: Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: **Theo sự phân công của Thủ trưởng đơn vị**

- Phương tiện làm việc: **Tự túc**

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc không xác định kỳ hạn

1- Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định của Pháp lệnh cán bộ công chức.

- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

2- Quyền lợi:

- Được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 2480/2007/QĐ- UBND ngày 16/08/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

- Thời gian được hưởng trợ cấp: Từ ngày 01/07/2007 đến khi có chế độ chính sách mới

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định của Pháp luật

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp.

1- Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng làm việc

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người ký kết hợp đồng làm việc

2- Quyền hạn:

- Điều hành người ký hợp đồng làm việc hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng

- Chấm dứt hợp đồng, kỷ luật người hợp đồng làm việc theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức

Điều 5: Điều khoản thi hành:

Hợp đồng này ký tại UBND huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2007.

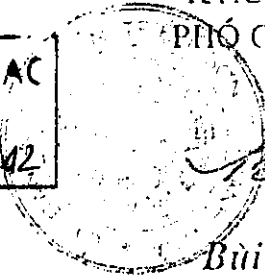
NGƯỜI KÝ HỢP ĐỒNG

KI. CHỦ TỊCH

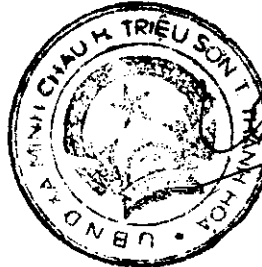
PHÓ CHỦ TỊCH

Thoạt
Hà Thu

CHỨNG THỰC BẢN SÁCH
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 06 tháng 07 năm 2007



Bùi Công Khanh



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đình Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 1577/QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày 04 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hợp đồng lao động

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức, viên chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số: 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;
Căn cứ Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND ngày 02/03/2007 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ công chức;
Căn cứ Hợp đồng số: 2459/HĐ-UB ngày 11/12/2007 của Chủ tịch UBND huyện về Hợp đồng làm việc;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Nội vụ huyện Triệu Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà: **Hà Thị Oanh**
Ngày sinh: 08 tháng 6 năm 1960
Nơi sinh: xã Minh Châu - huyện Triệu Sơn - tỉnh Thanh Hóa
Chức vụ - Đơn vị công tác: Giáo viên, Trường Mầm non Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
Thời gian chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Điều 2. Các chế độ chính sách của bà Hà Thị Oanh được giải quyết theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Hiệu trưởng trường Mầm non Minh Châu, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và bà Hà Thị Oanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *AS*
- Như điều 3 (QĐ);
- Lưu VT, PGD.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Lê Quang Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu BTP/HT-2006-KS.1.a

Xã/phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

Huyện/quận.....

Quyển số.....

Tỉnh/thành phố.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên: HÀ THỊ OANH..... Giới tính: NỮ.....

Ngày, tháng, năm sinh: 08.06.1960..... Ghi bằng chữ: Ngày mùng

Tám tháng Sáu năm một nghìn Sáu mươi.....

Nơi sinh: Xã Minh Châu, Triệu Sơn, Thanh Hoá.....

Dân tộc: Kinh..... Quốc tịch: Việt Nam.....

Quê quán: Xã Minh Châu, Triệu Sơn, Thanh Hoá.....

Họ và tên cha: Hà Văn inh.....

Dân tộc: Kinh..... Quốc tịch: Việt Nam.....

Họ và tên mẹ: Hà Thị Vó.....

Dân tộc: Kinh..... Quốc tịch: Việt Nam.....

Họ và tên người đi khai sinh: Hà Văn inh.....

Quan hệ với người được khai sinh: Là cha đẻ.....

Đăng ký ngày..... tháng..... năm.....

Cán bộ Tư pháp hộ tịch

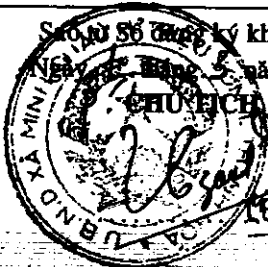
(Đã ký)

Hà Quang Khanh

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Đã ký)



Số đăng ký khai sinh
năm 2007

LE DINH THANH

04/2006 (QĐ số: 01/2006/QĐ-BTP) XBTP

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số: **173537027**

Họ tên: **HÀ THỊ OANH**

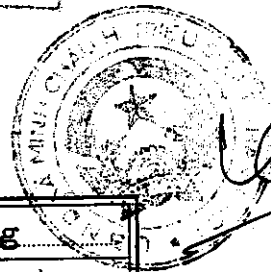
Sinh ngày: **08-6-1960**

Nguyên quán: **Minh châu
Triệu sơn, Thanh hóa**

Nơi ĐKKH thường trú: **Minh châu
Triệu sơn, Thanh hóa**



UBND XÃ MINH CHÂU THỊ SƠN
CHÍNH TRỊ
BẢN SAO
NGÀY 05/10/2012
SỞ TỶ 01



Phạm Văn...
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Đình Thành

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **không**

DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH

NGÓN TRÒN TRÁI: **NH 02cm dưới sẹo
dưới mắt phải**

Ngày: **08** tháng **12** năm **2009**

NGÓN TRÒN CÁI: **ĐỐC CA, Thanh hóa**

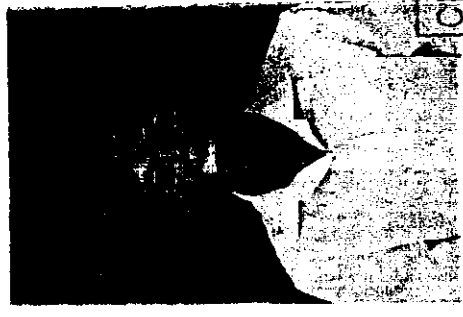
Đông Đại Lập

BAN SÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số hiệu A..... 045.354..TT

BẰNG TỬ TÀI



HỆ BỒ TÚC

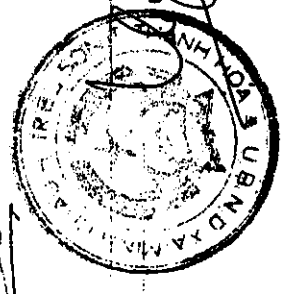
Họ và tên: *Nguyễn Thị Thanh*
Ngày sinh: *08.6.1960*
Nơi sinh: *Xã Bình Hòa, Huyện Thuận Sơn, Tỉnh Hòa Bình*
Học sinh trường: *Triệu Sơn*
Khóa thi ngày *28* tháng *5* năm 1998

Tốt nghiệp loại: *T.B.*

CHÚNG THỰC BẢN SÁCH
ĐÚNG VỚI BẢN CHỈ
Ngày *24* tháng *02* năm *1998*

GIAM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH
ĐẠI BIỂU QUẢN LÝ

Vào sổ cấp bằng số: *3288*
Ngày *15* tháng *6* năm 1998



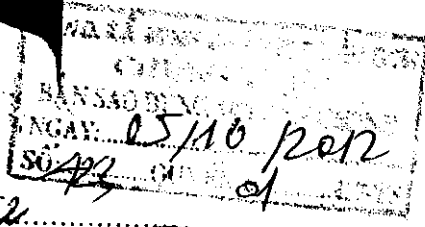
Nguyễn Thị Thanh

PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Đình Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

SỐ D **166996** / GD - ĐT



Vào sổ số 150.21
Ngày 28 tháng 7 năm 2007



Signature

PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Đình Thành *Nguyễn Ngọc Sơn*

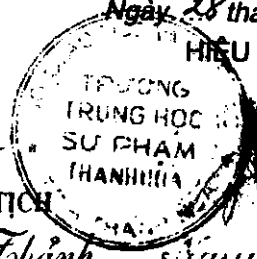
CHẤM ĐÁP

Theo quyết định số 281/QĐ - THSP
ngày 28 tháng 6 năm 2007

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG *Trung học Sư phạm*
Thành Hóa

Cấp cho *Hoà Chi Anh*
Ngày sinh *08.6.1960*
Nơi sinh *Triều Sơn, Thành Hóa*
Ngành học *Sư phạm*
Chuyên ngành *T.C. Sư phạm Mầm non*
Khóa học *2006 - 2007*
Hình thức đào tạo *TẠI CHỖ*
Tốt nghiệp hạng *T.B. Khá*
Ngày 28 tháng 7 năm 2007



HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ
SỞ Y TẾ: TP. HCM
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

Họ và tên: HÀ THỊ CRYN
Ngày sinh: 08.10.1960
Nơi sinh: Huyện Châu - Trách Sơn
Địa chỉ: W

I - TIỂU SỬ BẢN THÂN :

1/ Học môn

II - KHÁM :

Cao 158 phân..... nặng 47 cân..... vòng ngực trung bình 82..... phân
Bộ máy hô hấp:

Pignet: Bình Thẳng

Áp lực động mạch: Cao nhất 110 mmHg..... thấp nhất 70 mmHg.....

Bộ máy tiêu hóa:

Bộ máy sinh dục: 1/ Học môn

Bộ phận cử động xương cốt: 1/ Học môn

Bộ tinh thần kinh: 1/ Học môn

Răng:

Hàm trên: 1/ Bình Thẳng

Hàm dưới: 1/ Bình Thẳng

Mắt (ghi số kính):

Mắt trái không kính: 1/ 10/10..... Có kính.....

Mắt phải không kính: 1/ 10/10..... Có kính.....

Tai trái nói to: 1/ 05..... Trước. nói nhỏ 1/ 015..... trước

Tai phải nói to: 1/ 05..... Trước. nói nhỏ 1/ 015..... trước

Bệnh ngoài da: Không

Tiêm chủng: Đủ

Các bộ phận khác: Hiện tại Bình Thẳng

III - KẾT LUẬN: Đủ điều kiện học tập, công tác

Ngày 07 tháng 7 năm 2014





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

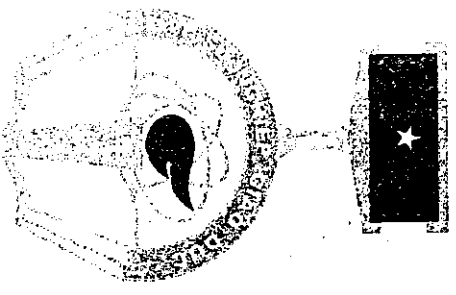
TẶNG

HUY CHƯƠNG **VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC**

Bà: *Phan Thị Cẩm*

Giáo viên Trường mầm non

Xã Minh Châu - Huyện Sơn Định - Tỉnh Quảng Bình



"*Vì lợi ích mười năm trồng cây
Vì lợi ích trăm năm trồng người*"

Hồ Chí Minh



BẢN

Đã có công lao đối với sự nghiệp giáo dục:

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2004

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Minh Hiền

Nguyễn Minh Hiền

PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Đình...

07/01/2015
01